

Học kỳ 1: Lối vào Vibhaṅga Vinaya (Phần 1) – 2.5. Luật Huấn Luyện Sañcaritta

Một lần khi Đức Phật cư trú tại tu viện Jetavana gần Sāvatti, có một vị Tôn giả Udāyī thường xuyên qua lại nhiều gia đình cư sĩ và có mối quan hệ rất thân thiết với họ. Ông đã làm mai mối cho các thanh niên và thiếu nữ, giúp họ kết hôn. Nếu các gia đình liên quan chưa biết nhau, họ sẽ nhờ Tôn giả Udāyī đứng ra làm người môi giới để sắp xếp cuộc hôn nhân. Do đó, Tôn giả Udāyī đã đi đến nhiều gia đình khác nhau và khen ngợi những phẩm chất tốt đẹp của các cô dâu và chú rể tiềm năng. Đôi khi, ông cũng đã ngăn cản một số cuộc hôn nhân bằng cách phê phán các gia đình khác.

Vào thời gian đó, một góa phụ là vợ của một kế toán viên đã khuất có một cô con gái rất xinh đẹp. Một số gia đình sống ở một ngôi làng khác, nhưng là tín đồ của giáo phái ājīvakas, muốn con gái của người góa phụ kết hôn với một trong những người con trai của họ. Người góa phụ từ chối lời đề nghị này. Sau đó, các tín đồ của ājīvakas đã tìm đến Tôn giả Udāyī và yêu cầu ông thuyết phục người góa phụ. Tôn giả Udāyī đã thành công trong việc thuyết phục bà, và cuối cùng cuộc hôn nhân đã được sắp xếp.

Sau khi kết hôn, cô dâu mới được gia đình nhà chồng đối xử như con dâu chỉ trong vòng một tháng. Sau đó, cô bị đối xử như một nô lệ. Khi mẹ của cô dâu biết tin, bà đã yêu cầu Tôn giả Udāyī đến gặp gia đình của con rể và yêu cầu họ đối xử với con gái mình đúng mực. Khi Tôn giả Udāyī đến và yêu cầu như vậy, họ đã nói với ông rằng không nên can thiệp vào những vấn đề thế tục như vậy mà nên tuân thủ hành vi của một vị xuất gia. Bị xấu hổ bởi lời sỉ nhục đó, Tôn giả Udāyī từ chối không quay lại nữa khi mẹ của cô dâu lại nhờ ông đến để sửa chữa tình huống không may này. Sau đó, mẹ của cô dâu trở nên tức giận, chỉ trích và nguyền rủa Tôn giả Udāyī vì đã sắp xếp cuộc hôn nhân đó, gây ra sự bất hạnh cho con gái bà. Tin tức lan truyền trong xã hội, và những người phụ nữ khác cũng không hài lòng với những cuộc hôn nhân do Tôn giả Udāyī sắp xếp cũng nguyền rủa ông. Tuy nhiên, những phụ nữ hài lòng với hôn nhân mà ông sắp xếp thì vẫn giữ im lặng.

Luật Huấn Luyện bằng Pāli: *Yo pana bhikkhu sañcarittaṃ samāpajjeyya, itthiyā vā purisamatīṃ purisassa vā itthimatīṃ jāyattanena vā jārattanena vā antamaso taṅkhaṇikāyapi saṅghādisesa.*

Dịch: Nếu bất kỳ Tỳ-khưu nào tham gia làm mai mối, và truyền đạt ý định của người đàn ông cho một phụ nữ, hoặc ý định của phụ nữ cho một người đàn ông, cho việc làm vợ hoặc làm người tình, thậm chí chỉ trong trường hợp đó, thì phạm tội saṅghādisesa.

Mô tả Luật Huấn Luyện: Sắp xếp hôn nhân giữa nam và nữ được gọi là mai mối hoặc làm người môi giới hôn nhân. Mai mối bao gồm việc giúp đỡ hai người tận hưởng năm dục lạc. Đây là một hành động không thích hợp cho các vị Tỳ-khưu, những người đã từ bỏ sự tận hưởng năm dục lạc nhiều nhất có thể. Điều không thích hợp cho một Tỳ-khưu đã từ bỏ năm dục lạc là sắp xếp hôn nhân giữa hai bên. Tuy nhiên, Tỳ-khưu có thể đưa ra lời khuyên cho các cặp vợ chồng hoặc những người dự định kết hôn về cách sống một cuộc hôn nhân hạnh phúc.

Hơn nữa, khi các cuộc hôn nhân không thành công, những người làm mai thường bị trách móc. Các vị Tỳ-khưu tham gia vào việc làm mai luôn phải đối mặt với những phiền não như vậy. Do đó, một Tỳ-khưu sẽ dính líu vào rắc rối không cần thiết khi tham gia mai mối.

Xem xét tất cả những vấn đề này, Đức Phật đã tuyên bố luật huấn luyện saṅcaritta saṅghādisesa ngăn cấm các Tỳ-khưu tham gia vào việc làm mai mối. Ngoài ra, nếu một Tỳ-khưu giới thiệu đàn ông và phụ nữ với nhau để có những cuộc quan hệ tình dục tạm thời, hoặc làm trung gian cho các mối quan hệ ngoài hôn nhân giữa những người đã có vợ hoặc chồng, thì Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội saṅghādisesa.

Saṅcaritta

Theo Kaṅkhāvitaraṇī, việc chuyển thông điệp giữa đàn ông và phụ nữ di chuyển từ nơi này đến nơi khác được định nghĩa là saṅcaritta – *“sancarrittanti itthipurisanam antare saṅcaraṇabhāvaṃ”*. Sự di chuyển bị ngăn cấm bởi luật huấn luyện này là việc truyền đạt thông điệp giữa đàn ông và phụ nữ nhằm sắp xếp hôn nhân. Nếu một Tỳ-khưu truyền đạt lời cầu hôn của một người đàn ông cho một người phụ nữ, như do chính người đàn ông đó hoặc bố mẹ anh ta chuyển đến, điều này được chỉ ra trong Pāḷi là *“itthiyā vā purisamatim”*. *“Purisassa vā itthimatim”* ám chỉ việc truyền đạt lời cầu hôn của một người phụ nữ đến một người đàn ông, như do chính người phụ nữ đó hoặc bố mẹ cô ta chuyển đến.

Có một số loại hôn nhân theo quy định của luật huấn luyện này:

1. Hôn nhân cố định giữa nam và nữ theo chuẩn mực xã hội
2. Các mối quan hệ ngoài hôn nhân mà phụ nữ đã có chồng tham gia
3. Các mối quan hệ ngoài hôn nhân với vợ của người khác
4. Quan hệ giữa nam và nữ nhằm tương tác tình dục tạm thời hoặc lâu dài

Về tất cả các loại quan hệ này, người phụ nữ được coi là vợ và người đàn ông là chồng. Nếu một Tỳ-khưu giúp tạo ra bất kỳ mối quan hệ nào như vậy, Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội saṅghādisesa.

Để phạm tội này, việc truyền đạt phải như sau: Một người đàn ông hoặc phụ nữ nói với một Tỳ-khưu: *“Thưa ngài, tôi muốn kết hôn với người đàn ông hoặc người phụ nữ này. Xin hãy thông báo cho người phụ nữ hoặc người đàn ông đó!”* Ngay khi tuyên bố này được đưa ra, Tỳ-khưu chấp nhận đề nghị này bằng cách trả lời *“được”* hoặc gật đầu hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác. Ngay sau đó, Tỳ-khưu sẽ trực tiếp truyền đạt thông điệp này đến người đàn ông hoặc phụ nữ liên quan hoặc bất kỳ người nào khác sẽ chắc chắn truyền đạt thông điệp. Sau đó, người phụ nữ hoặc người đàn ông có thể chấp nhận lời cầu hôn, từ chối nó, hoặc im lặng do ngượng ngùng. Dù kết quả ra sao, nếu phản hồi của người thứ hai được Tỳ-khưu truyền đạt lại cho người thứ nhất, Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội saṅghādisesa. Không bắt buộc phải có một cuộc hôn nhân diễn ra để tội saṅghādisesa có hiệu lực.

Alaṃvacanīya ca nālaṃvacanīya ca

Có một số hành vi nhất định phù hợp cho các vị Tỳ-khưu. Trong trường hợp một Tỳ-khưu truyền thông điệp giữa một người đàn ông và phụ nữ đã kết hôn theo chuẩn mực xã hội nhưng chưa ly hôn, nhưng đã sống ly thân, và đưa họ trở lại với nhau, thì Tỳ-khưu sẽ không phạm tội. Tuy nhiên, nếu hôn nhân đã kết thúc do cãi vã và Tỳ-khưu đưa họ trở lại làm vợ chồng, Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội saṅghādisesa. Một người đàn ông hoặc phụ nữ không còn kết hôn (đã ly hôn) nên được coi là hai cá nhân độc thân. Đưa họ trở lại làm vợ chồng là không thích hợp cho một Tỳ-khưu. Những người đàn ông và phụ nữ như vậy được gọi là *alaṃvacanīya*. Những người đàn ông và phụ nữ vẫn còn kết hôn được gọi là *nālaṃvacanīya*.

Alaṃ trong từ này là một trạng từ chỉ sự cấm đoán. *Vacanīya* có nghĩa là những cá nhân có thể được truyền đạt thông điệp. Họ là những người có thể được kết hợp lại với nhau bằng cách ra lệnh hoặc truyền đạt thông điệp giữa hai bên và đưa họ trở lại với nhau. Trong trường hợp truyền đạt thông điệp thay mặt cho những người khác và Tỳ-khưu không nên tham gia vào việc truyền đạt thông điệp; *alaṃvacanīya* được chỉ là những người mà Đức

Phật đã ngăn cấm không cho phép truyền đạt thông điệp đến. Đây là những người mà Tỳ-khưu không nên cố gắng kết hợp lại với nhau để họ có thể sống cùng nhau.

Nālamvacanīya có nghĩa là những người mà Tỳ-khưu có thể truyền đạt những thông điệp như vậy trong những trường hợp truyền đạt thông điệp thay mặt cho người khác. Đây là những người chồng và vợ vẫn còn kết hôn nhưng đang sống ly thân.

Khi cha mẹ của một Tỳ-khưu lạnh nhạt với nhau, Tỳ-khưu nên hoà giải họ. Đây là nhiệm vụ của một Tỳ-khưu. Tuy nhiên, nếu cha mẹ đã không còn là vợ chồng, việc tái hợp họ lại làm vợ chồng sẽ dẫn đến tội saṅghādisesa.

Nhận thức và ý định

Nếu một Tỳ-khưu không biết đó là tội lỗi mà vẫn tham gia vào việc mai mối hoặc tạo điều kiện cho các cuộc quan hệ tình dục tạm thời giữa nam và nữ, thì vẫn phạm tội. Ngay cả khi một vị Arahant không biết về luật huấn luyện saṅcaritta, mà ra lệnh cho mẹ mình (*alamvacanīya*) phục vụ cha mình theo yêu cầu của cha, và truyền đạt lại phản hồi của mẹ cho cha, thì cũng sẽ phạm tội saṅghādisesa. Do đó, tội lỗi này đã được chỉ rõ trong các chú giải là một tội không dựa trên ý định, do đó là một tội *acittaka*. Vì vậy, đây cũng là một tội *saññāvimokkha*.

Các trường hợp phạm tội

Các trường hợp phạm tội theo luật huấn luyện saṅcaritta có thể được hiểu như sau:

Trong trường hợp này, *paṭiganhāti* là khi một người đàn ông hoặc phụ nữ hoặc cha mẹ của họ nói với Tỳ-khưu rằng: “*Thưa ngài, xin hãy thông báo cho người phụ nữ hoặc người đàn ông này về việc hôn nhân*”, và Tỳ-khưu trả lời “*được*” hoặc chấp nhận bằng cách gật đầu hoặc bất kỳ hành động nào khác. *Vīmaṃsati* là truyền đạt thông điệp đã nhận đến người phụ nữ hoặc người đàn ông liên quan hoặc bất kỳ ai sẽ chắc chắn truyền đạt thông điệp này như cha mẹ, anh chị em của họ, v.v. *Paccāharati* là truyền đạt lại cho người đầu tiên kết quả của thông điệp đã được truyền đạt: liệu nó đã được chấp nhận, từ chối hay không có phản hồi nào do ngại ngùng. Khi ba hành động này được thực hiện, một tội saṅghādisesa sẽ bị phạm. Mức độ của tội phạm thay đổi khi một số hành động không xảy ra, như được chỉ ra dưới đây:

1. *Paṭiganhāti*, *vīmaṃsati*, *paccāharati* – Phạm tội saṅghādisesa
2. *Paṭiganhāti*, *vīmaṃsati*, không *paccāharati* – Phạm tội thullaccaya
3. *Paṭiganhāti*, không *vīmaṃsati*, *paccāharati* – Phạm tội thullaccaya
4. *Paṭiganhāti*, không *vīmaṃsati*, không *paccāharati* – Phạm tội dukkaṭa

5. Không *paṭigaṇhāti*, *vīmaṃsati*, *paccāharati* – Phạm tội *thullaccaya*
6. Không *paṭigaṇhāti*, *vīmaṃsati*, không *paccāharati* – Phạm tội *dukkata*
7. Không *paṭigaṇhāti*, không *vīmaṃsati*, *paccāharati* – Phạm tội *dukkata*
8. Không *paṭigaṇhāti*, không *vīmaṃsati*, không *paccāharati* – Không phạm tội

Như đã đề cập ở trên, khi ba hành động chấp nhận (*paṭigaṇhāti*), tìm hiểu (*vīmaṃsati*) và truyền đạt lại (*paccāharati*) được thực hiện đối với một người bán nam thay vì một người phụ nữ, do việc thực hiện đầy đủ ba yếu tố này, chỉ có tội *thullaccaya* sẽ bị phạm. Nếu chỉ hai hoặc một yếu tố được thực hiện, tội *dukkata* sẽ bị phạm. Nếu không có hành động nào được thực hiện, không có tội nào sẽ bị phạm.

Các trường hợp không phạm tội

Các trường hợp không phạm tội theo luật huấn luyện *sañcaritta* như sau:

1. *Saṅghassa vā cetiyassa vā gilānassa vā kiccena gacchantassa* – Nếu một Tỳ-khưu truyền đạt thông điệp giữa người dân về các vấn đề liên quan đến Tăng đoàn, bảo tháp hoặc một Tỳ-khưu ốm đau, sẽ không bị phạm tội.
2. *Ummattakassa* – Khi Tỳ-khưu bị điên.
3. *Khittacittassa* – Khi Tỳ-khưu bị loạn thần do ảnh hưởng của phi nhân.
4. *Vedanaṭṭassa* – Khi Tỳ-khưu đang bị đau đớn nghiêm trọng.
5. *Ādikammikassa* – Người đầu tiên vi phạm trước khi có luật.

Các yếu tố

Tội *sañcaritta* sẽ xảy ra khi năm yếu tố sau được thỏa mãn:

1. *Yesu sañcarittam samāpajjati tesam manussajātikatā* – Khi *sañcaritta* được thực hiện, tức là truyền đạt thông điệp liên quan đến hôn nhân giữa các cá nhân, những người này phải là con người.
2. *Na nālaṃvacanīyatā* – Khi truyền đạt thông điệp giữa những người không kết hôn với nhau như vợ chồng.
3. *Paṭiggahaṇam* – Đồng ý nhận thông điệp do bên đầu tiên truyền đạt.
4. *Vīmaṃsanam* – Truyền đạt thông điệp đã nhận từ bên đầu tiên đến bên thứ hai.
5. *Paccāharaṇam* – Truyền đạt phản hồi nhận được từ bên thứ hai trở lại bên đầu tiên.